

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TAM NÔNG  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/LĐ-ST

Ngày: 19 – 3 – 2024

“V/v tranh chấp về bảo hiểm xã hội  
theo quy định của pháp luật về bảo  
hiểm xã hội và tranh chấp bảo hiểm  
thất nghiệp theo quy định của pháp  
luật về việc làm”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Trí Viễn.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Hữu Phúc;  
2. Ông Võ Hùng Em.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Kim Ngân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Quốc Thông – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29/02/2024, 19/3/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2023/TLST-LĐ ngày 08/11/2023, về việc “*Tranh chấp về bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội và tranh chấp bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật về việc làm*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST-LĐ ngày 30/01/2014, Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2024/QĐST-DS ngày 29/02/2024, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:**

- Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1991, địa chỉ: ấp D, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Trần Thanh T, sinh năm 1982, địa chỉ: khóm E, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Lê Thị Minh C, sinh năm 1994, địa chỉ: ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.
- Trần Thị Ngọc D, sinh năm 1993, địa chỉ: ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.
- Nguyễn Ngọc Q, sinh năm 1972, địa chỉ: ấp T, thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn*: Công ty TNHH M, địa chỉ: ấp A, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Người đại diện theo ủy quyền: Phan Thị N1, Trưởng phòng nhân sự Công ty.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bảo hiểm xã hội huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Người đại diện theo pháp luật: Phạm Hiếu N2, chức vụ: Giám đốc.

( Các ông, bà: Ngân, D, Q, Nguyệt có mặt, các ông, bà: T, C, N2 vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Trong đơn khởi kiện và lời tự khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, các nguyên đơn trình bày:

+ *Nguyên đơn Nguyễn Thị Kim N*: cho là ký hợp đồng lao động, làm việc tại Công ty M từ tháng 03/2019 đến tháng 06/2023 thì xin nghỉ, nhưng đến nay Công ty không chốt sổ bảo hiểm. Do đó khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH M đóng bảo hiểm xã hội 36 tháng từ tháng 5/2020 đến tháng 6/2023, số tiền 35.312.555đồng và tiền bảo hiểm thất nghiệp 8.764.810đồng.

+ *Nguyên đơn Trần Thanh T*: cho là ký hợp đồng lao động, làm việc tại Công ty M và tham gia bảo hiểm từ tháng 04/2016 đến tháng 02/2023. Do xin nghỉ thôi việc nhưng đến nay Công ty không chốt sổ bảo hiểm. Do đó khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH M đóng bảo hiểm xã hội 35 tháng từ tháng 4/2020 đến tháng 02/2023, số tiền 39.853.738đồng và tiền bảo hiểm thất nghiệp 5 tháng là 13.147.200đ.

+ *Nguyên đơn Lê Thị Minh C*: cho là ký hợp đồng lao động, làm việc tại Công ty M và tham gia bảo hiểm từ tháng 07/2020 đến tháng 11/2022. Do xin nghỉ thôi việc nhưng đến nay Công ty không chốt sổ bảo hiểm. Do đó khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH M đóng bảo hiểm xã hội 23 tháng từ tháng 7/2020 đến tháng 11/2022, số tiền 26.600.000đồng và tiền bảo hiểm thất nghiệp 6.269.317đồng.

+ *Nguyên đơn Trần Thị Ngọc D*: cho là ký hợp đồng lao động, làm việc tại Công ty M và tham gia bảo hiểm từ tháng 02/2015 đến tháng 01/2023. Do xin nghỉ thôi việc nhưng đến nay Công ty không chốt sổ bảo hiểm. Do đó khởi kiện yêu cầu

Công ty TNHH M đóng bảo hiểm xã hội 30 tháng từ tháng 5/2020 đến tháng 12/2022, số tiền 28.060.297đồng và tiền bảo hiểm thất nghiệp 13.147.200đồng.

+ *Nguyên đơn Nguyễn Ngọc Q:* cho là ký hợp đồng lao động, làm việc tại Công ty M và tham gia bảo hiểm từ tháng 7/2020 đến tháng 9/2022. Do xin nghỉ thôi việc nhưng đến nay Công ty không chốt sổ bảo hiểm. Do đó khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH M đóng bảo hiểm xã hội 26 tháng từ tháng 7/2020 đến tháng 9/2022, số tiền 25.416.989đồng.

- *Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện bị đơn cho là:* Công ty có ký hợp đồng lao động với các nguyên đơn, hiện các nguyên đơn đã xin nghỉ và Công ty do khó khăn tài chính nên chưa nộp tiền bảo hiểm xã hội để lấy sổ giao cho các nguyên đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định. Về ý kiến giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của các nguyên đơn N, D, Q với bị đơn về số tiền nộp bảo hiểm xã hội; Đình chỉ toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà C; Đình chỉ và trả đơn khởi kiện của ông T. Đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện của N, D về tiền bảo hiểm thất nghiệp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về thủ tục tố tụng: Các đương sự tranh chấp về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp với bị đơn có địa chỉ tại huyện T, nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông theo quy định tại các Điều 32, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng nguyên đơn: T, C vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Tuy vắng mặt tại phiên tòa, nhưng nguyên đơn Lê Thị Minh C có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Xét thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, nên căn cứ theo điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu của nguyên đơn Lê Thị Minh C.

Nguyên đơn Trần Thanh T đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần để hòa giải và xét xử, nhưng nguyên đơn vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu của nguyên đơn Trần Thanh T.

[3] Các nguyên đơn Nguyễn Thị Kim N, Trần Thị Ngọc D có đơn và tại phiên tòa xin rút 01 phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể không yêu cầu Công ty trả số tiền bảo hiểm thất nghiệp. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện, nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Tại phiên tòa, các nguyên đơn N, D, Q yêu cầu Công ty N4 để có sổ, thống nhất theo danh sách chậm đóng do Bảo hiểm xã hội huyện T cung cấp. Cụ thể: chị N yêu cầu thời gian chậm đóng 02 năm 6 tháng, số tiền 35.651.744 đồng; chị D yêu cầu thời gian chậm đóng 02 năm, số tiền 27.629.605 đồng; anh Q yêu cầu thời gian chậm đóng 01 năm 10 tháng, số tiền 24.608.202 đồng.

Tại phiên tòa, chị N3 thống nhất đóng bảo hiểm xã hội theo yêu cầu của các nguyên đơn và đồng ý đóng lãi chậm trả có sổ bảo hiểm xã hội cấp cho các nguyên đơn.

Xét thấy, sự thỏa thuận các các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội,, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 246 của Bộ luật tố tụng dân sự, công nhận sự thỏa thuận này.

[5] Từ những nhận định trên, nghĩ cần chấp nhận ý kiến của Viện kiểm sát.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và áp dụng Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14. Tại phiên tòa Công ty TNHH M tự nguyện chịu án phí 5%, cụ thể:  $5\% \times 35.651.744đ + 5\% \times 27.629.605đ + 5\% \times 24.608.202đ = 4.394.477đ$  (lấy tròn 4.394.500đ).

Các nguyên đơn không nộp tạm ứng án phí nên không xem xét.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ các Điều 32, 35, 39, 147, 217, 227, 244 và 246 Bộ luật tố tụng dân sự ; Áp dụng các Điều 21, 86 Luật bảo hiểm xã hội; Điều 49 Luật Việc làm; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14.

- Đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của anh Trần Thanh T và chị Lê Thị Minh C. Các nguyên đơn Trần Thanh T, Lê Thị Minh C có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

- Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu tiền bảo hiểm thất nghiệp của các nguyên đơn: Nguyễn Thị Kim N, Trần Thị Ngọc D.

- Chấp nhận sự thỏa thuận của các nguyên đơn: Nguyễn Thị Kim N, Trần Thị Ngọc D, Nguyễn Ngọc Q với Công ty TNHH M về số tiền nộp bảo hiểm xã hội.

- Công ty TNHH M phải đóng đủ số tiền nợ bảo hiểm xã hội: cho chị Nguyễn Thị Kim N số tiền 35.651.744 đồng; cho chị Trần Thị Ngọc D số tiền 27.629.605 đồng; cho anh Nguyễn Ngọc Q, số tiền 24.608.202 đồng và số tiền lãi chậm đóng, đề cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận sổ và giải quyết chế độ cho người lao động.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Công ty TNHH M tự nguyện nộp 4.394.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, người yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Trí Viễn**

